

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57 /UBND-TC

Nhơn Trạch, ngày 05 tháng 04 năm 2021

V/v triển khai Quyết định công bố công khai
dự toán ngân sách năm 2021 tỉnh Đồng Nai.

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Thực hiện Quyết định số 4989/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 tỉnh Đồng Nai (gửi kèm), Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện.

Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND huyện xem xét, chỉ đạo xử lý. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- C-PVP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, TH (NN).



Lương Hữu Ích

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4989 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2021
tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX - kỳ họp thứ XVIII về giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 7433/STC-QLNS ngày 23/12/2020 về việc công khai dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Đồng Nai;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2021 (các Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUẢN LÝ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021
(Đính kèm Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ								CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐANG, ĐOÀN THỂ	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
			CHI GIAO DẠO - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	SỰ NGHIỆP KHÁC	SỰ NGHIỆP GIAO THÔNG	SỰ NGHIỆP NÔNG - LÂM - THỦY LỢI	Hạ tầng công cộng		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	5,104,240	9,700	11,700	296,182	57,000	234,718	336,700	135,000	202,250	27,000	3,793,990
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	882,350	3,500	-	38,182	25,000	210,718	336,700	66,000	202,250	-	-
	Dự án tuyến thoát nước dải cây xanh (kê ca BTGPMB)									3,000		
	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư									22,500		
	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Kỳ, huyện Nhơn Trạch									6,000		
	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành									135,000		
	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư									14,000		
	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân, huyện Định Quán									21,000		

TRONG ĐÓ

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHE	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VẤN HỎA THÔNG TIN	SỰ NGHIỆP KHÁC	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUAN BỊ ĐẦU TƯ	
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh										750		
	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa											66.000	
	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa				4.800								
	Trạm Y tế xã Báo Quang - thị xã Long Khánh				3.900								
	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú				7.850								
	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu				500								
	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai				10.632								
	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)				10.500								
	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An		3.500										
	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo đi tích đến thờ Nguyễn Hữu Cảnh					25.000							
	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)						155.700						
	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán (kể cả bồi thường so huyện Định Quán thực hiện)						55.018						
2	Sở Tư pháp	1.700	-	1.700	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án nâng cấp, kết nối liên thông phần mềm giao dịch bảo đảm phục vụ công tác quản lý nhà nước			1.700									
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	99.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	99.000

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ							CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI VẬT TƯ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	SỰ NGHIỆP KHÁC	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi			Hạ tầng công cộng	
	Xây dựng đường dây trung thế, nâng cấp đường dây hạ thế ngầm, MCCB đảm bảo đáp ứng cho trạm biến áp 1.000KVA tại Sân vận động tỉnh hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao												
11	Sở Khoa học và công nghệ	10,000	-	10,000	-	-	6,400	-	-	-	-	-	-
	Trung tâm chiếu xạ Sở khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70% khoảng 130 tỷ)					10,000							
12	Bệnh viện Đa liệu Đồng Nai	10,000	-	-	-	10,000	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án xây dựng khu khám và thăm mỹ Bệnh viện Đa liệu Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)					10,000							
13	Trường Đại học Đồng Nai	6,200	6,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường nội bộ, vỉa hè, mương thoát nước và sân khu dạy học trường Đại học Đồng Nai		6,200										
14	Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi	10,000	-	-	-	-	-	-	-	-	10,000	-	-
	Tiểu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)										10000		
15	Chi cục Kiểm lâm	17,000	-	-	-	-	-	-	-	-	17,000	-	-
	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)											17000	
16	Bỏ trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch												20,000
17	Dự phòng bổ trí bổ sung các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016-2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021 và phân bổ các dự án mới giai đoạn 2021-2025												13,000

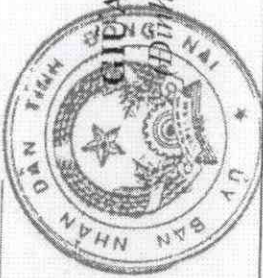
TRONG ĐÓ

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐẠO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	SỬ NGHIỆP KHÁC	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUAN BỊ ĐẦU TƯ
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng		
18	Dự phòng bổ trí các dự án khởi công mới, chuẩn bị đầu tư (lập dự án đầu tư và chủ trương đầu tư) chỉ thực hiện phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định											
19	Hỗ trợ các dự án XHHGTNT											1,163,290
20	Phân cấp cho cấp huyện giao chỉ tiêu											200,000
21	Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện											1,946,000
22	Bổ trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội											245,500
23	Các dự án khởi công mới, chuẩn bị đầu tư (lập dự án đầu tư và chủ trương đầu tư) chỉ thực hiện phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định											10,000
												97,200

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ									CHI KHÁC						
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỆ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI							
12	Sở Nông nghiệp PTNT	184,418																
13	Sở Giao thông vận tải	470,955																
14	Sở Y tế	863,444	6,365		819,815													
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	280,140	49,103		2,515	73,522		135,162		500		9,213	10,125					
16	Sở Xây dựng	75,836																
17	Sở Lao động TBXH	376,088	105,792									40,000	35,836					
18	Sở Giáo dục đào tạo	840,434	829,399										14,540	255,756				
19	Bảo hiểm xã hội tỉnh	306,394			306,394								11,035					
20	Thanh tra tỉnh	8,307																
21	Công an tỉnh	100,190	300											8,307				
22	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	81,830	7,577															
23	Đại học Đồng Nai	48,090	48,090															
24	Trường Chính trị tỉnh	26,605	26,605															
25	Cao đẳng nghề Đồng Nai	-																
26	Cao đẳng Y tế Đồng Nai	21,450	21,450															
27	Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai	55,913	55,913															
28	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao	38,783	38,783															
29	Ban Quản lý các KCN	25,407																
30	Ban Dân tộc	14,610								5,700				18,669				1,038
31	Tỉnh Ủy	117,000												14,610				
32	Hội chữ thập đỏ	3,846												117,000				
														3,846				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIAO DẠO - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC		
53	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	31,566	27,230							4,336				
54	Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học	-												
55	Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai	3,772							3,772					
56	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	7,000									7,000			
57	Dự phòng	540,000						100,000						
58	CHI KHÁC	225,106											150,000	225,106

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



Biểu số 54/CK-NS/VN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA
CÁC NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021
kèm Quyết định số 4989/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh

STT	Tên đơn vị	Chia theo sắc thuế										Đơn vị: %
		Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế Tiêu thụ đặc biệt từ hàng nội địa	Thuế tài nguyên	Thuế thu cá nhân	Thuế bảo vệ môi trường	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	Tiền sử dụng đất	Lệ phí trước bạ	Phí, lệ phí	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Thành phố Biên Hòa	47	47	47	100	47	47	47	60	100	100	100
2	Thành phố Long Khánh	47	47	47	100	47	47	47	60	100	100	100
3	Huyện Xuân Lộc	47	47	47	100	47	47	47	60	100	100	100
4	Huyện Cẩm Mỹ	47	47	47	100	47	47	47	60	100	100	100
5	Huyện Tân Phú	47	47	47	100	47	47	47	60	100	100	100
6	Huyện Định Quán	47	47	47	100	47	47	47	60	100	100	100
7	Huyện Thống Nhất	47	47	47	100	47	47	47	60	100	100	100
8	Huyện Trảng Bom	47	47	47	100	47	47	47	60	100	100	100
9	Huyện Vĩnh Cửu	47	47	47	100	47	47	47	60	100	100	100
10	Huyện Long Thành	47	47	47	100	47	47	47	60	100	100	100
11	Huyện Nhơn Trạch	47	47	47	100	47	47	47	60	100	100	100

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



Biểu số 55/CK-NSVA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2021**

(Đính kèm Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp			Huyện hưởng từ nhiệm vụ tỉnh thu CTN-NQĐ			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh				Tổng chỉ cân đối ngân sách huyện
			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh	
				Thu ngân sách huyện hưởng 100%	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia		Thu ngân sách huyện hưởng 100%	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia		Cân đối	Có mục tiêu		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	6,131,590	3,672,919	1,686,440	1,986,479	982,742	43,000	939,742	5,277,848	3,965,943	743,500	568,405	10,003,782
1	Thành phố Biên Hòa	2.820.750	1.766.817	875.650	891.167	461.184	25.000	436.184	85.785	-	85.785	-	2.498.930
2	Huyện Vĩnh Cửu	324.050	190.064	83.750	106.314	6.580	-	6.580	418.283	338.188	67.173	12.921	622.549
3	Huyện Trảng Bom	584.700	409.205	272.200	137.005	51.700	-	51.700	347.268	244.872	74.511	27.885	823.178
4	Huyện Thống Nhất	149.500	87.125	36.600	50.525	2.585	-	2.585	526.887	442.819	51.015	33.052	621.465
5	Huyện Định Quán	153.600	78.932	26.550	52.382	-	-	-	861.289	674.922	63.938	122.429	883.647
6	Huyện Tân Phú	74.020	41.479	18.120	23.359	1.833	-	1.833	901.382	667.880	117.861	115.641	836.741
7	Thành phố Long Khánh	241.680	129.334	54.980	74.354	7.050	-	7.050	565.336	449.180	53.442	62.713	677.417
8	Huyện Xuân Lộc	350.140	220.294	122.440	97.854	15.510	-	15.510	582.375	494.523	59.475	28.377	868.992
9	Huyện Cẩm Mỹ	139.600	86.600	44.300	42.300	3.290	-	3.290	667.450	518.103	66.487	82.860	722.701
10	Huyện Long Thành	689.350	355.660	86.350	269.310	306.580	18.000	288.580	134.831	-	52.303	82.528	767.771
11	Huyện Nhơn Trạch	604.200	307.409	65.500	241.909	126.430	-	126.430	186.965	135.455	51.510	-	680.391

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**BƯỞI TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO
NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN NĂM 2021**

(Đính kèm Quyết định số 4989 /QĐ-UBND ngày 30 /12/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ
A	B	1=2+3+4	2	3
	TỔNG SỐ	743,500	683,000	60,500
1	Thành phố Biên Hòa	85,785	85,785	
2	Huyện Vĩnh Cửu	67,173	67,173	
3	Huyện Trảng Bom	74,511	66,511	8,000
4	Huyện Thống Nhất	51,015	51,015	
5	Huyện Định Quán	63,938	63,938	
6	Huyện Tân Phú	117,861	67,861	50,000
7	Thành phố Long Khánh	53,442	53,442	
8	Huyện Xuân Lộc	59,475	59,475	
9	Huyện Cẩm Mỹ	66,487	63,987	2,500
10	Huyện Long Thành	52,303	52,303	
11	Huyện Nhơn Trạch	51,510	51,510	